

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 06/9/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Ông Trần Ngọc Thiện.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:  
Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2024/TLST – DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:168/2024/QĐXXST-DS, ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị K**, sinh năm 1964*

*Nơi cư trú: **Thôn D, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước***

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991*

*Địa chỉ: **Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước***

*- Bị đơn: Ông **Điêu N**, sinh năm 1959*

*Nơi cư trú: **Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước***

*(Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 của nguyên đơn bà **Vũ Thị K**; trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung khởi kiện như sau:*

Do quen biết nên ngày 01/4/2023, ông **N** vay của bà **K** số tiền 40.000.000đ để mua phân bón, hạn trả là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 1,66%/tháng; việc vay tiền hai bên có là giấy vay tiền viết tay. Đến hạn ông **N** bội tín không trả tiền cho bà **K**, bà **K** đã đòi nhiều lần nhưng ông **N** vẫn không trả, nên bà **K** khởi kiện yêu cầu ông **N** trả số tiền gốc đã vay là 40.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2023 đến khi Tòa án xét xử xong.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền vay gốc là 40.000.000đ, rút yêu cầu trả lãi do khi vay hai bên không ghi thỏa thuận tiền lãi trong giấy vay tiền.

**\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Điêu N** trình bày:**

Do quen biết nên khoảng năm 2020 – 2021 và sau đó có vay của bà **K** một số lần, mỗi lần khoảng từ 2 đến 3 triệu đồng chứ không vay lần nào số tiền 40.000.000đ; ông cũng nhớ đã trả cho bà **K** số tiền 3.000.000đ; ông xác nhận có ký giấy nợ do bà **Kim v** cùng với ông **B** là người làm chứng là đúng; ông cũng xác nhận nội dung xác nhận với bà **K** trong đoạn ghi âm là có vay của bà Kim 40.000.000đ, nhưng lúc đó do ông đã uống nhiều rượu; ông khẳng định đã trả hết tiền cho bà **K**; Ngoài ra, ông cũng không còn tài sản gì trả cho bà **Kim n** Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **K**.

**\* Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:**

Về tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về nội dung, việc nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông **Điêu N** trả cho nguyên đơn bà **Vũ Thị K** số tiền 40.000.000đ, bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông **Điêu N** vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện giữa bà **K** và ông **N** có lập “Hợp đồng vay tiền” ngày 01/4/2023, số tiền vay là 40.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án ông **N** cho rằng không vay bà **K** số tiền này mà chỉ vay bà **K** số tiền rất nhỏ

và đã trả cho bà **K**, những lần vay này có ông **Điều B1** là người làm chứng; phía nguyên đơn cung cấp đoạn video có nội dung ông **N** xác nhận có mượn bà **K** số tiền 40.000.000đ; ông **N** xác nhận giọng nói trong đoạn video là của ông nhưng hôm đó do uống nhiều rượu và bà **K** đã giữ xe của ông để cản trở nợ nên ông xác nhận cho có; tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông **N** xác nhận nợ trong lúc say rượu không làm chủ được bản thân; ông **Điều B1** cũng xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng mà bà **K** cung cấp cho Tòa án là chữ ký của ông. Như vậy, có căn cứ xác định ông **Điều N** có mượn của bà **K** số tiền 40.000.000đ như bà **K** khởi kiện là đúng. Ông **N** cho rằng ông có vay tiền của bà **K** nhưng đã trả hết, không còn nợ nên không đồng ý trả nợ; Tuy nhiên, ông **N** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các lần vay tiền và đã trả hết tiền cho bà **K** như ông trình bày, nên trình bày của ông cho rằng đã trả hết nợ cho bà **K** là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông **N** tham gia đối chất với nguyên đơn và người làm chứng nhiều lần về số tiền vay và trả nhưng ông **N** đều vắng mặt không có lý do; ông **N** cũng không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nên coi như ông **N** đã tự từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông **N** phải trả cho bà **K** số tiền vay chưa trả là 40.000.000đ. Về tiền lãi, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả lãi nên không đề cập giải quyết.

Đối với xe máy bà Kim giữ của ông **N**; phía nguyên đơn trình bày việc ông **N** giao xe cho bà **K** là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến khoản tiền vay này; Bị đơn ông **N** không yêu cầu lấy lại hoặc cản trở gì khác, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Bị đơn **Điều N** phải chịu án phí của số tiền 40.000.000đ mà Hội đồng xét xử buộc phải trả cho bà **K**.

[4] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117; 118; 166; 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Vũ Thị K** đối với bị đơn **Điều N**; Buộc ông **Điều N** phải trả cho bà **Vũ Thị K** số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông **Điều N** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà **Vũ Thị K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.199.200đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009191 ngày 14/5/2024.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Huệ**

